

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KVA
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/DS-ST
Ngày: 26-01-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KVA - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Tìl

2. Bà Võ Thị Kim Son

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân
KVA – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KVA - Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn M Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân KVA - Cần Thơ
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2025/TLST - DS ngày 14 tháng
10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 611/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 và quyết định
hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 05/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V

Trụ sở chính: AB LH, phường ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, số XYZ NVC, phường CK, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội
đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Tr – chức vụ: Phó Giám
đốc Tr tâm XLNPL KHCN – Ngân hàng V.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh T – chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, số XYZ NVC, phường CK, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

+ Ông Phan Văn M, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 21, tổ 31, khu vực 5, phường HP, thành phố Cần Thơ.

+ Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số ASD LB, khu vực Y, phường TA, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Văn S, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: số X, tổ B, khu vực J, phường HP, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị Kim C có vay vốn của Ngân hàng V - Chi nhánh Sơn Tây ký Hợp đồng cho vay số LNXXXXXX ngày 07/08/2024; Số tiền vay 3.300.000.000 đồng; Phương thức giải ngân, chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của người thụ hưởng theo đề nghị của khách hàng; Mục đích vay xây sửa nhà; Thời hạn vay 300 tháng (từ ngày 07/08/2024 đến ngày 07/08/2049); lãi suất giải ngân 8,7% năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân ("Thời gian cố định"); Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên; sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và ngày 01/10 hằng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày lễ theo quy định của VPBank thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liên sau ngày chủ nhật, ngày lễ đó. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách

hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được Bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.6%/năm. Hình thức thanh toán hợp đồng, bên vay được ân hạn gốc trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân chỉ cần thanh toán tiền lãi. Sau thời gian ân hạn bên vay phải thanh toán gốc, lãi của khoản vay cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỳ là 11.458.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) riêng kỳ cuối cùng trả 11.554.000 đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Thời điểm vi phạm hợp đồng vay từ ngày 15/05/2025. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là khách hàng không thanh toán như hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông M, bà C đã thanh toán tạm tính đến ngày 05/01/2026 nợ lãi: 19.7430.413 đồng, nợ gốc: 0 đồng. Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của khách hàng mở tại V. Tổng nợ tạm tính đến ngày 05/01/2026 là: 3.670.823.750 đồng (trong đó gốc 3.300.000.000 đồng, nợ lãi: 370.823.750 đồng).

Bên cạnh đó, ông M và bà C ký giấy đăng đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/03/2024 thẻ tín dụng số thẻ: 403YYYY, hạn mức: 75.000.000 đồng, lãi suất áp dụng: 47.88% năm. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 05/01/2026 là 102.941.941 đồng (Trong đó nợ gốc: 72.752.545 đồng, nợ lãi: 30.189.396 đồng). Hình thức thanh toán là trả nợ gốc và lãi theo kỳ thanh toán với số tiền tương ứng đã sử dụng hàng tháng. Thời điểm vi phạm là từ 12/06/2025. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là khách hàng không thanh toán nợ lãi và nợ gốc hàng tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Phan Văn S và Ngân hàng V đã ký Hợp đồng thế chấp số LNXXXXX ngày 07/08/2024. Với tài sản bảo đảm cho khoản vay là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2XY, 2GF và 1VN tờ bản đồ số 57 tại địa chỉ: xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh

Long (nay là Khóm MH2, phường CV, tỉnh Vĩnh Long), thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phan Văn S.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị Kim C phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tính đến ngày 26/01/2026 là: 3.818.104.909 đồng (trong đó gốc: 3.372.752.545 đồng, nợ lãi 445.352.364 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 27/01/2026 ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị Kim C còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

Trường hợp ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị Kim C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Năm 2024 em của ông là Phan Văn S cần tiền để xoay sở công việc nhưng do còn độc thân nên thu nhập không cao, mặc dù S có tài sản thế chấp nhưng muốn vay số tiền cao nên nhờ ông và vợ là Nguyễn Thị Kim C ký vay dù nhưng ông không rõ số tiền bao nhiêu vì vợ chồng ông chỉ ký tên chứ không nhận tiền. Nay Ngân hàng khởi kiện ông không đồng ý trả tiền, ông yêu cầu ông S trả tiền. Trường hợp ông S không trả thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đồng thời, ông M yêu cầu giải quyết vắng mặt ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C thống nhất và trình bày như nội dung ông M đã trình bày. Đồng thời, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Ông Phan Văn S được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa;

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc M và bà C trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 26/01/2026 là: 3.818.104.909 đồng (trong đó gốc: 3.372.752.545 đồng, nợ lãi 445.352.364 đồng) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C, trú tại số 21, tổ 31, khu vực 5, phường HP, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KVA – Cần Thơ.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M và bà C thanh toán nợ vay theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Ông M và bà C thừa nhận có ký hợp đồng vay nhưng không rõ số tiền vay vì việc vay tiền thay cho ông S. Ông S là người nhận tiền nên ông M và bà C yêu cầu ông S trả. Ông S vắng mặt không trình bày ý kiến.

Căn cứ hợp đồng tín dụng (hợp đồng cho vay) số LNXXXXXX ngày 07/8/2024 giữa Ngân hàng V với ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C cùng với lời trình bày của ông M và bà C, thể hiện ông M và bà C có vay số tiền 3.300.000.000 đồng đúng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử thể hiện Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho ông M và bà C 75.000.000 đồng. Căn cứ sao kê lịch sử sử dụng thẻ tín dụng, tính đến nay ông M và bà C đã sử dụng số tiền 72.752.545 đồng.

Căn cứ hợp đồng thế chấp, chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm của ông Phan Văn S với Ngân hàng V, đủ cơ sở xác định S có thể chấp các thửa đất số 2XY, 2GF và 1VN tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long (nay là Khóm MH2, phường CV, tỉnh Vĩnh Long), thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phan Văn S để đảm bảo các khoản vay của ông M và bà C.

Căn cứ bản sao kê theo dõi của Ngân hàng thì cho đến thời điểm khởi kiện mặc dù chưa hết thời hạn vay theo thỏa thuận nhưng ông M và bà C vi phạm thỏa thuận thanh toán lãi suất hàng tháng. Cụ thể từ ngày 15/5/2025 ông M và bà C ngưng thanh toán lãi suất theo thỏa thuận. Căn cứ thỏa thuận tại khoản 8 Điều 1 của hợp đồng vay giữa các bên, Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

Ông M và bà C yêu cầu ông S có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Ông S không có ý kiến thể hiện việc này và cũng không được sự thống nhất từ phía Ngân hàng. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chỉ có tài liệu thể hiện ông S thế chấp tài sản đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho ông M và bà C. Không ký hợp đồng thỏa thuận ba bên về nghĩa vụ trả nợ thay. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M và bà C thực hiện nghĩa

vụ trả nợ theo hợp đồng vay là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông M và bà C.

3] Về hợp đồng thế chấp tài sản, căn cứ quy định tại điều 317 BLDS thì “Thế chấp tài sản là việc một bên dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia”. Ông S dùng tài sản là quyền sử dụng đất tại các thửa 2XY, 2GF và 1VN tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long (nay là Khóm MH2, phường CV, tỉnh Vĩnh Long), thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phan Văn S để đảm bảo các khoản vay của ông M và bà C nên việc thế chấp là hợp pháp. Theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng tín dụng của ông M và bà C. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 293 và Điều 299 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299, Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 103 luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Buộc ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng V số tiền

3.818.104.909 đồng (trong đó gốc: 3.372.752.545 đồng, nợ lãi 445.352.364 đồng), tính đến ngày 26/01/2026.

2. Kể từ ngày 27/01/2026 ông M và bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông M và bà C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Buộc ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 108.362.098 đồng. Ngân hàng V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 51.507.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004326 ngày 06/10/2025 tại thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ được hoàn lại đủ.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị Kim C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng đất tại các thửa 2XY, 2GF và 1VN tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long (nay là Khóm MH2, phường CV, tỉnh Vĩnh Long), thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phan Văn S để thu hồi nợ. (Theo hợp đồng thế chấp tài sản số LNXXXXX ngày 07/08/2024)

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND KV3-CT;*
- *Phòng THADS KVA-CT;*
- *Lưu: HS; VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm